

Bản án số: 327/2020/HN-PT

Ngày: 12/5/2020.

V/v “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Chí Cao.

2/ Bà Trần Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1117/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1999/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Trịnh Công S, sinh năm 1986; Địa chỉ: 20/6/18 TX 24, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Mỹ N, sinh năm 1988; Địa chỉ: 6/5A đường M1, phường N2, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1979, địa chỉ: 581 Đường M2, Phường N3, Quận P3, Thành phố Hồ Chí Minh, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Trịnh Công S.

Phiên tòa có mặt ông S, ông H. Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Trịnh Công S trình bày:

Ông và bà Trương Mỹ N ly hôn vào ngày 16/9/2015 theo bản án số 859/2015/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần quyết định của bản án đã tuyên giao con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 24/12/2011 cho bà Trương Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Từ tháng 5/2015 ông S đã qua nhà bà N đưa cháu K về trực tiếp nuôi dưỡng và cho đi học, hiện nay trẻ K đang học ổn định tại trường tiểu học L và vẫn đang phát triển tốt. Trong thời gian qua, bà N không trực tiếp nuôi con cũng không liên hệ thăm hỏi, chăm sóc con chung. Nguyên vọng của trẻ K mong muốn được ở với ông S. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi con.

Bị đơn bà Trương Mỹ N trình bày: Vào ngày 16/9/2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử vụ án “tranh chấp ly hôn” giữa bà và ông Lê Trịnh Công S. Bản án đã tuyên xử: Giao con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 24/12/2011 cho bà Trương Mỹ N nuôi dưỡng, buộc ông Lê Trịnh Công S giao trẻ Lê Hoàng K sinh ngày 24/12/2011 cho bà Trương Mỹ N nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật. Bản án trên của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 11/11/2015, Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú ban hành quyết định số 64/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu: Buộc ông Lê Trịnh Công S giao trẻ Lê Hoàng K cho bà Trương Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ông Lê Trịnh Công S không chấp hành bản án mà mang trẻ K đi giấu, không cho bà gặp mặt con chung. Cơ quan thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhưng vẫn không thi hành được do không liên lạc được với ông S.

Việc trẻ K có nguyện vọng sống cùng ông S là do bà và trẻ Sơn đã 04 năm không được gặp nhau nên về mặt tình cảm có sự xa cách vì thế cháu mới có nguyện vọng được sống cùng ông S.

Từ những nội dung trên, bà đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S, đồng thời đề nghị ông S phải chấp hành bản án số 859/2015/HNGĐ-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản án dân sơ sơ thẩm số 1117/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trịnh Công S về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao con chung là trẻ Lê Hoàng K, sinh ngày 24/12/2011 cho bà Trương Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông S do bà N không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 25/11/2019, ông Lê Trịnh Công S kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 1117/2019/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Bản án sơ thẩm không xem xét toàn diện hết được vấn đề, ông đã nuôi trẻ Lê Hoàng K từ trước thời điểm ông và bà N ly hôn cho đến nay. Ông đã nhiều lần liên hệ bà N đến thăm cháu nhưng bà N không đến và rất khó liên lạc. Do đó, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp thuận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Trịnh Công S trình bày: ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, cho ông được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, bởi lẽ ông đã trực tiếp chăm sóc con từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện nay con đang sinh sống ổn định cùng ông và có nguyện vọng ở cùng với ông, nên để ổn định cuộc sống của con, ông đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

Bị đơn bà Trương Mỹ N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn bà N vẫn hợp tác lên Tòa án giải quyết, đồng thời đến nhà của nguyên đơn và thăm con, nhưng do trước giờ con ở cùng nguyên đơn và bà N không được gặp, nên tình cảm giữa mẹ con bị xa cách, bà N mong muốn được thi hành bản án số 859 ngày 16/9/2015 của Tòa

án nhân dân quận Tân Phú để bà có cơ hội chăm sóc con. Do bản án giao con chưa được thi hành nên không có căn cứ cho rằng bà N nuôi con không tốt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 25/11/2019 của ông Lê Trịnh Công S nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: bị đơn bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Trịnh Công S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ bản án dân sự sơ thẩm số 859/2019/HNGĐ-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật, về phần con chung bản án tuyên xử giao con chung là trẻ Lê Hoàng K, sinh ngày 24/12/2011 cho bà Trương Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà N đã có đơn yêu cầu thi hành án. Cơ quan thi hành án quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có quyết định thi hành án, áp dụng các biện pháp để thi hành án nhưng ông S không chấp hành theo quyết định của bản án, không giao con cho bà N nuôi dưỡng, như vậy bản án đã có hiệu lực này chưa được thi hành trên thực tế. Bà N chưa được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên không có cơ sở để khẳng định bà N nuôi dạy con không tốt. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S cũng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh ông đã thực hiện việc giao con cho bà N nhưng bà N không nhận con về nuôi hay bà N nuôi con không tốt để dẫn đến việc phải thay đổi người trực tiếp nuôi con là cần thiết. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Lê Trịnh Công S.

[4] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trịnh Công S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Giao trẻ Lê Hoàng K, sinh ngày 24/11/2011 cho bà Trương Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Trịnh Công S đến khi bà N có yêu cầu.

Ông Lê Trịnh Công S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên kia nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí:

- Án phí sơ thẩm : Ông Lê Trịnh Công S phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Hai trăm ngàn) đồng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí số AA/2017/0012788 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Án phí phúc thẩm : Ông Lê Trịnh Công S phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0020001 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông S đã nộp đủ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND quận Tân Phú, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao Trần Thị Nhung

Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt Võ Thị Mỹ Hạnh Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP HCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM
- Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP HCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận, TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Phạm Thị Thu Phương.

2/ Ông Nguyễn Chí Cao

Tieg hành ngħxan vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tuấn, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 38/2 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hương, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 181/37/6 Phan Đăng Lưu, Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trụ sở: 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh Phú Nhuận: 203 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Anh Duy (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 39/QĐ-BIDV.PN ngày 23/6/2017).

3.2/ Bà Nguyễn Thị Thơ.

Địa chỉ: 37 khu Đồng Tiến, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Biểu quyết: 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hường

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hường không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn cho bà Lê Thị Hường số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0041269 ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

